

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-PT
Ngày: 11-9-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành và Ông Lương Thanh Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐ-PT ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Lưu T, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Tống Từ D, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1959 (vợ ông D); Địa chỉ: thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Tống Từ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2021, bản tự khai ngày 31/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Lưu T trình bày:

Ông T là chủ cửa hàng mua bán thức ăn tôm, việc mua bán thức ăn tôm giữa ông với ông Tống Từ D đã diễn ra thời gian dài. Thời gian đầu mới làm ăn, ông Tống Từ D lấy hàng ít và thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến năm 2018, ông D mua thức ăn tôm của ông ngày càng nhiều và hình thức mua bán là gói đầu, mua toa hàng trước sẽ thanh toán toa hàng sau. Việc mua bán này chỉ có hai bên tin tưởng nhau và bên cửa hàng ông theo dõi sổ sách chứ không có xác nhận công nợ cho ông D ký vào sổ. Đến đầu năm 2019, ông D không tới cửa hàng ông mua thức ăn tôm nữa và ông thấy số tiền nợ tương đối nhiều nhưng ông D chưa thanh toán. Thấy vậy ông có gọi điện cho ông D nhiều lần để chốt nợ nhưng ông D không đến mà cứ hẹn, hôm nay đi công tác, hôm sau lại đi công tác. Vì vậy, ông tự mang sổ đến công ty ông D để cộng sổ thì ông D không tiếp, cố tình kéo dài thời gian rồi hẹn, khi nào rảnh ông D sẽ đến cửa hàng ông chốt nợ nhưng ông D không đến. Ông thấy ông D có dấu hiệu lừa đảo, giựt nợ nên đến ngày 14.5.2020, ông gọi điện cho ông D và từ đó ông đều ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông với ông D để có chứng cứ vì ông D cố tình không gặp ông. Toàn bộ những file cuộc nói chuyện giữa ông với ông D, ông đã cung cấp cho Tòa án và ông có yêu cầu Tòa án giám định âm thanh (giọng nói) của ông D trong những file ghi âm đó. Cụ thể số nợ ông D còn nợ ông như sau:

- Từ ngày 11/4/2011 đến ngày 15/02/2012: Ông D mua bằng hình thức gói đầu mua toa sau, thanh toán toa trước và thời điểm này ông D còn nợ lại số tiền: 83.050.000 đồng (Tám mươi ba triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng);

- Từ ngày 31/5/2014 đến ngày 05/4/2016: Ông D mua nợ số tiền 2.625.000.000 đồng, đã trả 2.338.150.000 đồng; còn nợ lại 286.850.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng);

- Từ ngày 15/8/2016 đến ngày 04/5/2017: Ông D mua nợ số tiền 1.155.910.000 đồng, đã trả 1.033.290.000 đồng; còn nợ lại 122.620.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi ngàn đồng);

- Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 22/7/2017: Ông D mua nợ số tiền 237.023.000 đồng, đã trả 120.000.000 đồng; còn nợ lại 117.023.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, không trăm hai mươi ba ngàn đồng);

- Từ ngày 04/11/2017 đến ngày 12/7/2018: Ông D mua nợ số tiền 1.665.831.000 đồng, đã trả 1.581.975.000 đồng; còn nợ lại 83.856.000 đồng (Tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng);

Tổng cộng 05 khoản nợ trên là 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông Tống Từ D cùng bà Lê Thị H liên đới trả cho ông số 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Tống Từ D tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa trình bày:

Ông D thừa nhận trước đây có mua thức ăn tôm của ông Hồ Lưu T. Ông Hồ Lưu T có đến gặp ông để chào hàng, mời mua thức ăn tôm (vì ông có cơ sở nuôi tôm giống). Thời gian đó, ông có mua thức ăn tôm của nhiều đại lý khác và có đồng ý mua thêm thức ăn tôm từ cửa hàng ông Hồ Lưu T. Hình thức mua bán thức ăn tôm là ông mua hàng toa nào thì thanh toán dứt điểm toa hàng đó, nếu có thiếu thì toa hàng sau ông thanh toán dứt điểm chứ không kéo dài, nếu có kéo dài thì phải xác nhận công nợ. Giữa ông với ông Hồ Lưu T làm ăn chung một thời gian dài đến tháng 8/2018 ông T có báo cho ông biết ông còn nợ lại ông T số tiền 83.856.000 đồng và từ đó đến nay ông không còn mua hàng từ cửa hàng ông Hồ Lưu T và ông khẳng định đến nay ông chưa thanh toán số nợ trên cho ông Hồ Lưu T. Nay ông Hồ Lưu T khởi kiện yêu cầu ông cùng vợ ông liên đới trả số tiền 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng) thì ông không đồng ý. Ông cho rằng, ông Hồ Lưu T hoàn toàn không có chứng cứ, ông không ký xác nhận công nợ từ ông Hồ Lưu T với số tiền 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Nếu ông Hồ Lưu T có chứng cứ chứng minh hiện nay ông còn nợ ông T số tiền 693.399.000 đồng thì ông đồng ý trả cho ông Hồ Lưu T. Ông chỉ thừa nhận hiện nay ông còn nợ ông Hồ Lưu T số tiền 83.856.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ khoản nào khác.

Tại phiên tòa: Ông Tổng Từ D thừa nhận toàn bộ những File ghi âm mà ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giám định âm thanh (giọng nói) đều là của ông. Nhưng ông cho rằng, ông không tự nguyện nói ra mà ông T dẫn giang hồ vô chỗ làm của ông và buộc ông nói theo yêu cầu của ông T là ông còn nợ ông T số tiền sáu trăm hay sáu trăm mấy (theo lời nói trong File giám định) nếu ông không nói thì ông T sẽ giết ông và gia đình ông. Vì thế, mà ông phải nói theo lời ông T. Ông D chỉ thừa nhận hiện nay ông còn nợ ông T số tiền mua thức ăn tôm là 83.856.000 đồng (Tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng) chứ không nợ số tiền như ông T khởi kiện là 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Ông hứa sẽ trả cho ông T số tiền mua thức ăn tôm còn nợ lại là 83.856.000 đồng và ông đồng ý chỉ mình ông trả số nợ 83.856.000 đồng. Ông không đồng ý cho vợ ông cùng trả nợ, vì sự việc mua, bán thức ăn tôm chỉ một mình ông và ông T biết chứ vợ ông hoàn toàn không biết gì cả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Lưu T đối với ông Tống Từ D về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

- Buộc ông Tống Từ D, bà Lê Thị H liên đới trả cho ông Hồ Lưu T số tiền 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/3/2023 bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Lưu T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Lưu T. Bởi chứng cứ là các file ghi âm giọng nói của ông D liên quan đến số nợ ông T khởi kiện, cung cấp là do ông bị ông T đe dọa, ép buộc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định ông D có nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông T 693.399.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tống Từ D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D trả số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm từ năm 2011 đến năm 2018 với tổng số tiền nợ 693.399.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T cung cấp cho Tòa án toàn bộ tài liệu, sổ sách mà ông T đã mở để theo dõi việc ông D mua thức ăn nuôi tôm và quá trình thanh toán tiền từ năm 2014 đến năm 2018, kèm theo 01 USB chứa các file ghi âm giọng nói của ông D liên quan đến các khoản nợ trên. Qua giám định xác định được 02 file ghi âm là giọng nói của ông Tống Từ D.

Ông D cho rằng, việc ông thừa nhận số nợ trên 600 triệu đồng theo nội dung ghi âm của ông T là do bị ông T ép buộc, đe dọa dùng vũ lực nên ông đã nói theo sự dẫn dắt của ông T, chứ thực tế ông không có nợ số tiền trên, nhưng ông D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có sự ép buộc, đe dọa từ phía ông T nên không có căn cứ để được chấp nhận.

Xét thấy, tuy sổ sách do ông T giao nộp không có chữ ký xác nhận của ông D về công nợ nhưng được thể hiện rất rõ ràng về thời gian, số tiền các lần giao dịch mua thức ăn nuôi tôm, số tiền đã trả mỗi lần và số tiền còn nợ lại. Nội dung công nợ theo sổ sách của ông T cung cấp phù hợp với nội dung mà ông D thừa nhận trong các file ghi âm do ông T giao nộp. Do đó chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy ông D chỉ thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn tôm của ông T là 83.856.000 đồng (toa hàng cuối cùng ngày 12/7/2018), còn những toa hàng trước đó ông D cho rằng đã thanh toán dứt điểm nhưng ông D không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Lưu Thảo bị đơn ông Tống Từ D cùng vợ (bà Lê Thị H) phải liên đới trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ là 693.399.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận. Do ông D và bà H là vợ chồng, việc mua thức ăn nuôi tôm là để chăn nuôi tôm giống bán để phát triển kinh tế gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc ông Tống Từ D và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Hồ Lưu T là đúng pháp luật.

Từ phân tích và nhận định trên, xét thấy kháng cáo của ông Tống Từ D là không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là đúng pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Tống Từ D là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tống Từ D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Lưu T đối với ông Tống Từ D về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Tống Từ D và bà Lê Thị H liên đới trả cho ông Hồ Lưu T số tiền 693.399.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

2/ Về chi phí giám định: Ông Hồ Lưu T tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án xem xét.

3/ Về án phí sơ thẩm:

- Ông Tống Từ D, bà Lê Thị H phải nộp 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng tại thời điểm xét xử ông Tống Từ D, bà Lê Thị H trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

- Hoàn trả cho ông Hồ Lưu T số tiền 7.930.000 đồng (Bảy triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002841 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4/ Về án phí phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Tống Từ D.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/9/2023)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu